

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Hà Vĩnh

Ông Lưu Đình Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A; sinh năm: 1986; HKTT: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng L; sinh năm: 1984; HKTT: Ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

Tại phiên toà có mặt chị A, vắng mặt anh L. Anh L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2018 và tại bản tự khai ngày 02/4/2018, chị Bùi Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Đăng L kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 26/3/2007 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, những lần cãi nhau anh L còn đánh chị. Cuộc sống kéo dài khiến chị cảm thấy mệt mỏi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2017 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Minh A, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Bùi Thị Lan P, sinh ngày 27/9/2008. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, thu nhập của chị là 5.500.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2018, anh Nguyễn Đăng L trình bày: Anh và chị Bùi Thị A kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 26/3/2007 tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận. Đến cuối năm 2017, do chơi bời nên anh có cầm cổ xe của gia đình thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nhưng anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị A. Anh yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Minh A, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Bùi Thị Lan P, sinh ngày 27/9/2008. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh A, giao cháu Lan P cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự và tại phiên toà: Chị A và anh L thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về hôn nhân và người trực tiếp nuôi con. Chị A xét thấy không còn tình cảm với anh L, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, ngoài ra anh L còn hay đánh đập chị nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do anh chơi bời, cầm cổ xe của gia đình, nhưng anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với vợ nên anh yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Nguyễn Đăng L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

[2] Anh L đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[3] Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh L lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh L vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh L.

[4] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Đăng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2007 tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp.

[5] Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra anh L còn chơi bời, về nhà đánh đập chị A. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh L lên làm việc để hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh L đều không có mặt, thể hiện anh L không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị A, anh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị A được ly hôn anh L.

[6] Về con cái: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Đăng L có 02 con chung là cháu Bùi Thị Minh A, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Bùi Thị Lan P, sinh ngày 27/9/2008. Xét thấy, hiện tại các cháu đang ở cùng chị A, có giới tính nữ, các cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu A và cháu P cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị A, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản: Chị A, anh L không yêu cầu nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Nguyễn Đăng L.

Về con cái: Giao cháu Bùi Thị Minh A, sinh ngày 27/9/2008 và cháu Bùi Thị Lan P, sinh ngày 27/9/2008 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2015/0002247 ngày 19/3/2018. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị A, vắng mặt anh L. Chị A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc